

Số: /QĐ-TTTV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật số 78/2025/QH15 ngày 18/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 21/2015/BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật;

Theo hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức thử nghiệm chất lượng thuốc bảo vệ thực vật của Công ty Cổ phần Nicotex và đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định tổ chức thử nghiệm thuốc bảo vệ thực vật đối với Phòng thí nghiệm Nicotex thuộc Công ty Cổ phần Nicotex (địa chỉ: 114 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 1900633813, Fax:

024.38754439, Email: vanthunicotex@gmail.com). Phương pháp thử được chỉ định chi tiết tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 27 tháng 01 năm 2030 kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng thí nghiệm Nicotex thuộc Công ty Cổ phần Nicotex có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Phòng thí nghiệm Nicotex thuộc Công ty Cổ phần Nicotex, Công ty Cổ phần Nicotex và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban TCĐLCLQG (để biết);
- Vụ KHCN (để biết);
- Cục chuyển đổi số (đăng website);
- Văn phòng Cục (đăng website Cục);
- Phòng QL Thuốc BVTV (phối hợp);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quý Dương

PHỤ LỤC
DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ THUỐC BVTV CHỈ ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTTV ngày tháng năm 2026
của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Khoảng đo	Phương pháp thử được chỉ định
I. Xác định tính chất lý hoá của thuốc bảo vệ thực vật			
1.	Độ bền bảo quản ở 0°C trong 7 ngày	-	TCVN 8382:2010
2.	Độ bền bảo quản ở 54°C trong 14 ngày	-	TCVN 8050:2016
3.	Độ phân tán	-	TCVN 8050:2016
4.	Độ bột	-	TCVN 8050:2016
5.	Độ thấm ướt	-	TCVN 8050:2016
6.	Độ tự phân tán	-	TCVN 8050:2016
7.	Khối lượng riêng	-	TCVN 8050:2016
8.	Ngoại quan	-	PPT93- NQ: 2025
II. Xác định hàm lượng hoạt chất/tạp chất thuốc bảo vệ thực vật			
9.	Abamectin	$\geq 0,1\%$	TCVN 9475:2012
10.	Acetamiprid	$\geq 0,1\%$	TC 07/2001-CL
11.	Acetochlor	$\geq 0,1\%$	TC 08/2003-CL
12.	Bensulfuron methyl	$\geq 0,01\%$	TCVN 10979:2016
13.	Bentazone	$\geq 1\%$	TCCS 833:2023/BVTV
14.	Bispyribac sodium	$\geq 1\%$	TC 115/2000-CL
15.	Cartap hydrochloride	$\geq 5\%$	TCVN 8380: 2010

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Khoảng đo	Phương pháp thử được chỉ định
16.	Chlorantraniliprole	$\geq 0,1\%$	TCVN 12476:2018
17.	Chlorfenapyr	$\geq 1\%$	TCVN 12475:2018
18.	Copper hydroxide	$\geq 5\%$	TCVN 10157:2013
19.	Cyromazine	$\geq 0,1\%$	TCVN 11731:2016
20.	Diquat dibromide	$\geq 1\%$	TCCS 822:2022/BVTV
21.	Hexaconazole	$\geq 0,1\%$	TCVN 8381:2010
22.	Imidacloprid	$\geq 0,1\%$	TCVN 11730:2016
23.	Mesotrione	$\geq 1\%$	TCCS 335:2015/BVTV
24.	Methoxyfenozide	$\geq 1\%$	TC 13/CL:2006
25.	Niclosamide	$\geq 0,1\%$	TCVN 12787:2019
26.	Penoxsulam	$\geq 1\%$	TC 04/CL:2007
27.	Pymetrozine	$\geq 1\%$	TCCS 13:2010/BVTV
28.	Pyraclostrobin	$\geq 0,1\%$	TCCS 44:2012/BVTV
29.	Pyrazosulfuron ethyl	$\geq 0,1\%$	TCCS 32:2023/BVTV
30.	Pyribenzoxim	$\geq 1\%$	TCCS 03:2006
31.	Quinclorac	$\geq 0,1\%$	TCVN 10981:2016
32.	Spinosad	$\geq 0,1\%$	TC 02/CL:2005
33.	Spiromesifen	$\geq 1\%$	TCCS 529:2016/BVTV
34.	Spirotetramat	$\geq 0,1\%$	TCCS 363:2015/BVTV

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Khoảng đo	Phương pháp thử được chỉ định
35.	Thiamethoxam	$\geq 0,1\%$	TCCS 67:2013/BVTV
36.	Thiosultap sodium	$\geq 0,1\%$	TCCS 836:2023/BVTV
37.	Tricyclazole	$\geq 0,1\%$	TC 08/2002-CL
